

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 08-12-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tâm Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đoàn Trí Thiện.

Ông Đặng Anh Doan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Thy là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Ông Triệu Nhựt Giang là Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tr, sinh ngày 03-11-1998. Cư trú tổ 06, ấp L, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh S, sinh ngày 15-7-1997. Cư trú số 454, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10-11-2020 và bản tự khai, chị Nguyễn Thị Tr trình bày:*

Chị Tr và anh S kết hôn vào ngày 01-8-2018 theo trích lục kết hôn số 926/TLKH-BS ngày 10-11-2020 của Ủy ban nhân dân xã B. Sau ngày cưới, Chị Tr và anh S cùng nhau lên thành phố Hồ Chí Minh ở trọ, làm thuê. Quá trình chung sống, anh S tụ tập bạn bè, sinh tật uống rượu. Khi có rượu, anh S thường kiếm chuyện gây gổ với chị Tr và đập phá đồ đạc trong nhà. Việc này, mẹ của anh S có biết và có rầy la anh S nhưng chỉ được vài ngày thì anh S lại tiếp diễn, tụ tập bạn bè

uống rượu về kiếm chuyện với chị Tr, không quan tâm con cái. Chị Tr nhận thấy anh S chứng nào tật nấy, chỉ biết say xỉn, kiếm chuyện với chị Tr dù được gia đình khuyên nhủ nhưng không chịu sửa đổi tính tình. Kể từ tháng 4 năm 2020 đến nay, chị Tr chính thức không còn ở chung với anh S và anh S không có thiện chí hàn gắn.

Từ ngày sinh con được 06 tháng, chị Tr phải đi làm nên có gửi con lại cho cha mẹ của anh S trông nom, nuôi dưỡng. Chị Tr có nói với cha mẹ của anh S để đưa con nhỏ về cho cha mẹ của chị Tr nuôi dưỡng nhưng cha mẹ của anh S không đồng ý, mỗi khi chị Tr về thăm con thì cha mẹ của anh S tỏ thái độ không vui vẻ. Chị Tr yêu cầu ly hôn với anh S.

Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, chị Tr yêu cầu nuôi con Lê Văn Trọng Nghĩa, sinh ngày 24-6-2019 theo giấy trích lục khai sinh số 577/TLKS-BS ngày 16-7-2019 của Ủy ban nhân dân xã B, hiện con đang sống chung với anh S tại xã B, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: không có.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:*

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Tr đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, bị đơn đã không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị Tr và anh S không còn yêu cầu thương, quan tâm, chăm sóc cho nhau và ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn của chị Tr với anh S.

Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao bé Nghĩa cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị Tr có đơn khởi kiện đối với anh S về yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con. Anh S có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Tr và anh S xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 03-8-2018 nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, chị Tr cho rằng *“khi vợ chồng sống chung với nhau, anh S thường uống rượu, kiếm chuyện gây gổ với chị Tr và không quan tâm con cái”*. Qua ý kiến của chị Tr, Tòa án xác minh về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng Chị Tr và anh S như sau *“Việc vợ chồng anh S với chị Tr có xích mích gì với nhau thì không rõ. Được biết, chị Tr không còn ở chung nhà với anh S tại ấp Bình Tây 2, xã B cách nay độ khoảng 01 năm”*.

[4] Mặt khác, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr. Hơn nữa, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị Tr không cần phải chứng minh gì khác đối với các tình tiết, nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn với anh S.

Theo đó, Tòa án xác định Chị Tr và anh S đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, vẫn tiếp tục sống ly thân hơn 01 năm nay, bỏ mặc nhau về đời sống vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, cả hai không còn tình nghĩa vợ chồng với nhau. Theo quy định Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận khởi kiện của chị Tr về yêu cầu ly hôn với anh S.

[5] Về ý kiến, yêu cầu nuôi con

Chị Tr có yêu cầu nuôi con do con đang sống chung với anh S tại nhà cha mẹ của anh S thuộc ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Mặc dù con chung Lê Văn Trọng Nghĩa, sinh ngày 24-6-2019 đang được anh S chăm sóc, dưỡng nuôi trong thời gian vợ chồng ly thân nhưng sau khi ly hôn, về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi thì được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi. Mặt khác, anh S không có ý kiến,

chứng cứ về việc chị Tr không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Do đó, việc chị Tr yêu cầu nuôi con trong thời gian con còn nhỏ tuổi phù hợp quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao con Lê Văn Trọng Nghĩa cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Tr không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, mặc dù anh S không trực tiếp nuôi con, nhưng việc nuôi con là trách nhiệm của cha, mẹ đối với con chứ không phải là quyền lợi nên chị Tr phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh S thực hiện quyền, nghĩa vụ chăm sóc, dưỡng nuôi con mà không ai được cản trở.

[6] Chị Tr khai nhận không có tài sản chung và nợ chung với anh S. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr đối với bị đơn anh Lê Thanh S.

Chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Lê Thanh S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày đăng ký 03-8-2018 do Ủy ban nhân dân xã B cấp cho Chị Tr và anh S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao con Lê Văn Trọng Nghĩa, ngày 24-6-2019 cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Anh S không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số TU/2019/0001795 ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị Tr, anh S vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tâm Nhân**